

Số: 06 /2019/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 26 tháng 4 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao ban hành kèm theo Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao ban hành kèm theo Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2014;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 269/TTr-VPUBND ngày 05 tháng 4 năm 2019.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao ban hành kèm theo Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh:

1. Khoản 1 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Quy chế này quy định về công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ giao trong các văn bản do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành, gồm: Văn bản quy phạm pháp luật, chương trình công tác, văn bản chỉ đạo, điều hành, trong đó bao gồm văn bản mật, tối mật, tuyệt mật (sau đây gọi tắt là văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh) và văn bản thông báo ý

kiến kết luận cuộc họp của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh do Văn phòng UBND tỉnh ký, ban hành.”

2. Khoản 2 Điều 3 được sửa đổi như sau:

“2. Nhiệm vụ giao trong văn bản quy phạm pháp luật: Quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh.”

3. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 4. Phân loại các nhiệm vụ được giao

1. Nhiệm vụ giao có thời hạn thực hiện.

2. Nhiệm vụ giao không có thời hạn thực hiện.”

4. Khoản 1 và Khoản 2 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) “1. Đối với văn bản giao nhiệm vụ không phải là văn bản mật, cập nhật các thông tin sau đây lên Mục chỉ đạo điều hành và công khai trên mạng dùng riêng của tỉnh:

a) Tên văn bản, số, ký hiệu, trích yếu, ngày, tháng, năm ban hành, người ký văn bản;

b) Cơ quan, đơn vị trình ban hành văn bản;

c) Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ;

d) Cơ quan, đơn vị theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện;

đ) Nội dung nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao;

e) Thời hạn thực hiện nhiệm vụ (thời hạn báo cáo, trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hoặc cơ quan, người có thẩm quyền khác hoặc thời hạn hoàn thành những nhiệm vụ cụ thể khác);

g) Tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao:

- Đã thực hiện, đang thực hiện, chưa thực hiện (trong hạn, quá hạn);

- Chất lượng, kết quả thực hiện nhiệm vụ giao (rất tốt, tốt, không tốt) so với yêu cầu chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

h) Thông tin cần thiết khác.”

b) “2. Đối với văn bản giao nhiệm vụ được phát hành theo chế độ Mật (mật, tối mật, tuyệt mật), chỉ cập nhật các thông tin sau đây lên Mục chỉ đạo điều hành và công khai trên mạng dùng riêng của tỉnh:

a) Tên văn bản, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, người ký văn bản (không cập nhật trích yếu);

b) Cơ quan, đơn vị trình ban hành văn bản;